

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định đối tượng, mức quà tặng nhân dịp tết Nguyên đán hằng năm đối với Người có công với cách mạng, thân nhân, đại diện gia đình người có công với cách mạng, đối tượng đặc thù và đối tượng xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG  
KHÓA IX, NHIỆM KỲ 2016 - 2021, KỲ HỌP THỨ 12**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng ngày 29 tháng 6 năm 2005;*

*Căn cứ Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 8078/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành quy định đối tượng, mức quà tặng nhân dịp tết Nguyên đán hằng năm đối với Người có công với cách mạng, thân nhân, đại diện gia đình Người có công với cách mạng, đối tượng đặc thù và đối tượng xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội, Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND thành phố tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Quy định đối tượng, mức quà tặng nhân dịp tết Nguyên đán hằng năm đối với người có công với cách mạng, thân nhân, đại diện gia đình Người có công với cách mạng (gọi chung là Người có công với cách mạng), đối tượng đặc thù và đối tượng xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, cụ thể như sau:**

1. Đối tượng, mức quà tặng

a) Đối với Người có công với cách mạng và đối tượng đặc thù: Chi tiết theo phụ lục I đính kèm.

b) Đối với đối tượng xã hội: Chi tiết theo phụ lục II đính kèm.

2. Về nguyên tắc tặng quà

a) Đối với Người có công với cách mạng và đối tượng đặc thù

Đối tượng được tặng quà theo phụ lục I Nghị quyết này được hưởng đủ các suất quà theo quy định. Riêng đối với trường hợp một người thuộc đồng thời trong các nhóm đối tượng sau chỉ được nhận một suất quà duy nhất:

- Người dân có công giúp đỡ cách mạng được tặng Huy chương kháng chiến (còn sống) hưởng trợ cấp 1 lần và người hoạt động kháng chiến được tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến (còn sống) hưởng trợ cấp 1 lần không hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp khác theo Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng;

- Người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã được giải quyết trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ (còn sống), không hưởng trợ cấp khác theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

- Người có thành tích tham gia kháng chiến được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch UBND cấp tỉnh, thành phố được giải quyết trợ cấp theo Quyết định số 24/2016/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ (còn sống), không hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp khác theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

- Gia đình Người có công với cách mạng tiêu biểu được lãnh đạo thành phố trực tiếp đến thăm và tặng quà thì không đưa vào danh sách nhận quà tại địa phương;

- Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong kháng chiến đồng thời là liệt sĩ chỉ được tặng suất quà đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong kháng chiến.

b) Đối với đối tượng xã hội

Đối tượng được tặng quà theo phụ lục II Nghị quyết này chỉ được nhận một suất quà cao nhất.

### 3. Lập dự toán và thanh quyết toán kinh phí

a) Lập dự toán

Hàng năm, căn cứ vào đối tượng và mức quà tặng quy định tại Nghị quyết này, các đơn vị, địa phương lập dự toán kinh phí cùng với dự toán kinh phí chi thường xuyên hàng năm của đơn vị, địa phương gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định bố trí vào dự toán của đơn vị, địa phương để thực hiện.

b) Thanh quyết toán

Trên cơ sở dự toán được phê duyệt, các đơn vị, địa phương thực hiện chi hỗ trợ quà Tết cho các đối tượng từ nguồn kinh phí dự toán được giao đầu năm và sau

khi hoàn thành việc chi hỗ trợ, có trách nhiệm tổng hợp danh sách gửi cơ quan tài chính quyết toán theo quy định. Trường hợp kinh phí quyết toán tăng so với kinh phí đã được bố trí trong dự toán chi đầu năm của đơn vị, địa phương, trên cơ sở đề nghị của các đơn vị, địa phương cơ quan tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét bổ sung kinh phí cho các đơn vị, địa phương để thực hiện.

c) Nguồn kinh phí: Từ nguồn ngân sách thành phố.

## **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

## **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

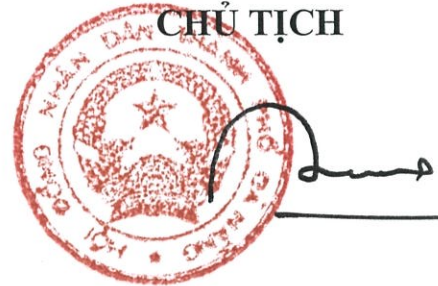
1. Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2019./.

### **Nơi nhận:**

- UBND, Chính phủ, VP Chủ tịch nước;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL thuộc Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế thuộc Bộ LĐ, TB và XH;
- Vụ Pháp chế thuộc Bộ Tài chính;
- BTV Thành ủy, cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy;
- Đại biểu HĐNDTP;
- UBND, UBMTTQVN thành phố, Đoàn ĐBQH TP;
- VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Quận, huyện ủy; HĐND, UBND, UBMTTQ các quận, huyện;
- HĐND, UBND phường, xã;
- Báo ĐN, Báo CATP ĐN, Đài PTTH ĐN, TT TTVN VTV8, Cổng TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐ.



**Nguyễn Nho Trung**





### Phụ lục I

## ĐỐI TƯỢNG VÀ MỨC QUÀ TẶNG TẾT NGUYÊN ĐÁN HÀNG NĂM ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG VÀ ĐỐI TƯỢNG ĐẶC THÙ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 275/2019/NQ-HĐND  
ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

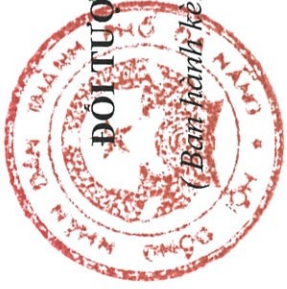
TT	Đối tượng	ĐVT	Mức quà	
			Tiền mặt	Hiện vật
<b>I</b>	<b>NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG</b>			
1	Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 (Cán bộ Lão thành cách mạng) đang hưởng trợ cấp hàng tháng (Trừ các đồng chí là cán bộ Trung cao cấp nghỉ hưu được lãnh đạo thành phố trực tiếp đến thăm, tặng quà)	Nghìn đồng/người	2.500	
2	Các đồng chí tử tù	Nghìn đồng/người	2.500	
3	Gia đình Người có công với cách mạng tiêu biểu được Lãnh đạo thành phố đến thăm	Nghìn đồng/gia đình	2.500	500
4	Bà mẹ Việt Nam anh hùng đang hưởng trợ cấp hàng tháng	Nghìn đồng/người	1.400	
5	Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị mắc bệnh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên đang hưởng trợ cấp hàng tháng	Nghìn đồng/người	1.400	
6	Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (Cán bộ Tiền khởi nghĩa) đang hưởng trợ cấp hàng tháng	Nghìn đồng/người	1.400	
7	Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong kháng chiến đang hưởng trợ cấp hàng tháng	Nghìn đồng/người	1.400	
8	Thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng là chồng Bà mẹ Việt Nam anh hùng	Nghìn đồng/người	1.400	
9	Gia đình Người có công có hoàn cảnh khó khăn	Nghìn đồng/gia đình	1.400	

10	Thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp tuất nuôi dưỡng hàng tháng, thân nhân 02 liệt sĩ trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng (trừ chồng Bà mẹ Việt Nam anh hùng)	Nghìn đồng/người	1.000	
11	Thân nhân của một liệt sĩ đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng	Nghìn đồng/người	550	
12	Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B suy giảm khả năng lao động từ 21% đến 80% đang hưởng trợ cấp hàng tháng, thương binh hưởng chế độ mất sức lao động	Nghìn đồng/người	550	
13	Bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 41% đến 80% đang hưởng trợ cấp hàng tháng	Nghìn đồng/người	550	
14	Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đang hưởng trợ cấp hàng tháng	Nghìn đồng/người	550	
15	Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng	Nghìn đồng/người	550	
16	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị mắc bệnh suy giảm khả năng lao động từ 21% đến 80% và con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng	Nghìn đồng/người	550	
17	Người thờ cúng liệt sĩ không có thân nhân hưởng trợ cấp tuất hàng tháng:			
	- Thờ cúng 1 liệt sĩ	Nghìn đồng/người	550	
	- Thờ cúng 2 liệt sĩ	Nghìn đồng/người	750	
	- Thờ cúng 3 liệt sĩ	Nghìn đồng/người	950	
	- Thờ cúng 4 liệt sĩ	Nghìn đồng/người	1.150	
	- Thờ cúng 5 liệt sĩ	Nghìn đồng/người	1.350	
	- Thờ cúng 6 liệt sĩ	Nghìn đồng/người	1.550	

	- Thờ cúng 7 liệt sĩ	Nghìn đồng/người	1.750	
18	Người thờ cúng Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong kháng chiến đã hy sinh, tử trận	Nghìn đồng /người	550	
19	Thân nhân của cán bộ Lão thành cách mạng, cán bộ Tiền khởi nghĩa đang hưởng tuất tử trận	Nghìn đồng/ người	550	
20	Thân nhân của thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng tuất tử trận	Nghìn đồng/người	550	
21	Đại diện gia đình cán bộ Lão thành cách mạng, cán bộ Tiền khởi nghĩa đã hy sinh, tử trận, không có thân nhân hưởng trợ cấp tuất hàng tháng	Nghìn đồng/gia đình	550	
22	Người dân có công giúp đỡ cách mạng (còn sống) được tặng Huy chương kháng chiến hưởng trợ cấp 1 lần và người hoạt động kháng chiến được tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến (còn sống) hưởng trợ cấp 1 lần, không hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp khác theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng	Nghìn đồng/người	550	
<b>II</b>	<b>ĐỐI TƯỢNG ĐẶC THÙ</b>			
1	Gia đình các đồng chí là Tỉnh (Thành) ủy viên trở lên đã hy sinh, tử trận	Nghìn đồng/gia đình	2.500	
2	Các đồng chí nguyên Tỉnh (Thành) ủy viên, Phó Chủ tịch HĐND, UBND tỉnh, thành phố và tương đương trở lên đang ốm đau dài ngày	Nghìn đồng/người	2.500	
3	Hội viên Hội Cựu Thanh niên xung phong	Nghìn đồng/người	550	
4	Cựu chiến binh tham gia kháng chiến từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước không hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng	Nghìn đồng/người	550	

5	<p>Quân nhân phục viên, xuất ngũ đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ; Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ</p>	Nghìn đồng/người	550	
6	<p>Người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã được giải quyết trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ (còn sống), không hưởng chế độ trợ cấp khác theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng</p>	Nghìn đồng/người	550	
7	<p>Người có thành tích tham gia kháng chiến được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch UBND cấp tỉnh, thành phố được giải quyết trợ cấp theo Quyết định số 24/2016/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ (còn sống), không hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp khác theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.</p>	Nghìn đồng/người	550	





Phụ lục II

**ĐÓI TƯỢNG VÀ MỨC QUÀ TẶNG TẾT NGUYÊN ĐÁN HÀNG NĂM  
ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG XÁ HỘI**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 275/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2019  
của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

TT	Đối tượng	ĐVT	Tiền mặt
<b>I ĐỐI VỚI HỘ</b>			
1	Hộ nghèo theo chuẩn thành phố không còn sức lao động	Nghìn đồng/hộ	1,200
2	Hộ nghèo theo chuẩn Trung ương còn sức lao động	Nghìn đồng/hộ	800
3	Hộ nghèo theo chuẩn thành phố còn sức lao động	Nghìn đồng/hộ	400
4	Hộ đồng bào dân tộc thiểu số 3 xã Hòa Bắc, Hòa Phú, Hòa Ninh thuộc huyện Hòa Vang	Nghìn đồng/hộ	500
5	Hộ gia đình có người lao động trực tiếp tiếp nhận rác tại bãi rác Khánh Sơn thuộc quận Liên Chiểu	Nghìn đồng/hộ	500
6	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng hoặc nhận nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng, trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng, người cao tuổi cô đơn	Nghìn đồng/hộ	500
<b>II ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG</b>			
1	Đối tượng hưởng trợ cấp hàng tháng tại cộng đồng, gồm:		
a	Đối tượng tại Nghị quyết số 134/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND thành phố		

TT	Đối tượng	DVT	Tiền mặt
-	Các đối tượng bảo trợ xã hội tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ (không bao gồm hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng hoặc nhận nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng, trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng, người cao tuổi cô đơn)	Ngàn đồng/người	350
-	Các đối tượng bảo trợ xã hội mở rộng ngoài quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ	Ngàn đồng/người	350
b	Bộ đội phục viên, xuất ngũ bị bệnh tâm thần tại Nghị quyết số 196/2018/NQ-HĐND ngày 19/12/2018 của HĐND thành phố	Ngàn đồng/người	350
c	Người ngừng hưởng trợ cấp mất sức lao động tại Quyết định số 45/2010/QĐ-UBND ngày 20/12/2010 của UBND thành phố (trừ đối tượng đang hưởng tại Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 06/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ)	Ngàn đồng/người	350
d	Người mắc bệnh hiểm nghèo thuộc hộ nghèo theo chuẩn thành phố tại Nghị quyết số 195/2018/NQ-HĐND ngày 19/12/2018 của HĐND thành phố	Ngàn đồng/người	350
2	<i>Đối tượng khác, gồm:</i>		
-	Đối tượng nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở bảo trợ xã hội, Cơ sở xã hội Bầu Bàng và phạm nhân đang bị giam giữ tại Trại tạm giam Hòa Sơn	Ngàn đồng/người	350
-	Trẻ em khuyết tật đã được Hội đồng xác định mức độ khuyết tật xã, phường xác định mức độ khuyết tật nhẹ; Trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo thuộc hộ cận nghèo theo chuẩn thành phố (theo danh mục bệnh hiểm nghèo quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ)	Ngàn đồng/người	350